

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HSST
Ngày: 29/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Vân T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công B;
2. Ông Vũ Văn H.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Chính - Cán bộ Toà án nhân dân quận K , thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K , thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K , thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2017/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng N, sinh năm 1979 tại Hải Phòng;

ĐKHKTT: Số 22 H, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 361 Trần Tất V, phường T, quận K , thành phố Hải Phòng;

Nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 10/12; con ông Nguyễn Trọng V, sinh năm 1953 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1952; có vợ là Nguyễn Trúc L, sinh năm 1991, có 01 con sinh năm 2011; tiền sự: Không; có 01 tiền án: Bản án số 11/2016/HSST ngày 05/4/2016, Tòa án nhân dân quận K, Hải Phòng xử phạt Nguyễn Trọng N 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; tạm giam ngày 23/10/2017; có mặt.

- Người bị hại: Ông Nguyễn Trọng V, sinh năm 1953; ĐKKHKT: Số 22 H, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 361 Trần Tất V, phường T, quận K, Hải Phòng; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Trọng N bị Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 31/8/2017, Nguyễn Trọng N đang ngồi trước cửa nhà ở số 361 đường T, quận K, Hải Phòng thì có Văn (hiện chưa xác minh được lý lịch) đến đòi Nam 500.000 đồng tiền Nguyễn Trọng N nợ Văn. Do không có tiền nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc hộp số máy cày để trên vỉa hè của ông Nguyễn Trọng V là bố đẻ của N, để đem bán. Nguyễn Trọng N đi sang nhà bà Phùng Thị L (sinh năm 1962, ở tại 345 đường Trần Tất V, quận K, Hải Phòng) mượn chiếc xe đẩy tự chế rồi nhờ Văn và bạn Văn (hiện chưa xác minh được lai lịch) vẫn giúp hộp số máy cày lên chiếc xe để mang sang bán cho bà L. Bà L đã trả cho N 1.100.000 đồng. Số tiền bán hộp số máy cày, N trả cho Văn 500.000 đồng, còn lại sử dụng vào việc cá nhân. Ông V đã trình báo cơ quan Công an, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã tiến hành thu giữ 01 hộp số máy cày và xe đẩy tự chế tại nhà bà Phùng Thị L.

Tại Kết luận định giá số 28/KL-ĐG ngày 06/9/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận K, kết luận: Hộp số máy cày nêu trên của ông Nguyễn Trọng V có trị giá 6.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho ông Nguyễn Trọng V 01 hộp số máy cày và trả cho bà Phùng Thị L 01 xe đẩy tự chế.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Trọng V đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; bà Phùng Thị L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền 1.100.000 đồng đã trả cho bị cáo để mua 01 hộp số máy cày.

Đối với bà Phùng Thị L là người mua hộp số máy cày của bị cáo, nhưng bà Luyến không biết đây là tài sản phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý; đối với người bạn của N tên Văn, là người vận chuyển giúp N hộp số máy cày mang đi bán, do chưa xác minh được lai lịch cụ thể nên chưa có căn cứ xử lý; khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT - VKS ngày 30/11/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên toà:

Bị cáo Nguyễn Trọng N khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp nội dung bản Cáo trạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại là ông Nguyễn Trọng V; bà Phùng Thị L vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu đến tham dự phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tại phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N từ 15 tháng đến 18 tháng tù; tuyên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 1.100.000 đồng tiền hưởng lợi bất chính và buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bị hại, bị cáo,

XÉT THẤY:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của bà Phùng Thị Luyên:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định và triệu tập bà Phùng Thị L với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án do bà Phùng Thị L là người mua hộp số máy cày của bị cáo và trả cho bị cáo số tiền 1.100.000 đồng, nhưng bà L không biết đây là tài sản phạm tội. Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền đã nhận cho bà L. Song đến nay bà L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử xét thấy không xác định bà Phùng Thị L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án nữa do không giải quyết quyền lợi hay nghĩa vụ gì đối với bà Phùng Thị Luyên.

[3] Về chứng cứ định tội đối với các bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai của người bị hại, nhân chứng và tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Nguyễn Trọng N đã lợi dụng sơ hở của người bị hại là ông Nguyễn Trọng Việt, lén lút trộm cắp 01 hộp số máy cày trị giá 6.000.000 đồng của ông Nguyễn Trọng Việt. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định: ”Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Viện Kiểm sát nhân dân quận K truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo có 01 tiền án: Tại Bản án số 11/2016/HSST ngày 05/4/2016, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Trọng N 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích. Phạm tội lần này, bị cáo Nguyễn Trọng N phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần xử bị cáo một mức án nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi và nhân thân của bị cáo, cần tiếp tục cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, giáo dục chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về việc bồi thường thiệt hại:

Người bị hại là ông Nguyễn Trọng Việt; bà Phùng Thị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc bồi thường.

[7] Về việc xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho ông Nguyễn Trọng V 01 hộp số máy cày và trả cho bà Phùng Thị L 01 xe đẩy tự chế, ông Nguyễn Trọng V và bà Phùng Thị L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vật chứng của vụ án.

[8] Về số tiền hưởng lợi bất chính:

Bị cáo bán 01 hộp số máy cày và nhận của bà Phùng Thị L số tiền 1.100.000 đồng, đến nay chưa bồi thường cho bà Phùng Thị L, mặc dù bà L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nhưng xét thấy đây là khoản tiền mà bị cáo hưởng lợi bất chính nên cần căn cứ điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 1.100.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[9] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Trọng N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Trọng N** phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng N 18** (Mười tám) tháng tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 23/10/2017.

Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng N phải nộp lại số tiền 1.100.000 (Một triệu một trăm nghìn) đồng tiền hưởng lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước.

- Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Trọng N phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo Nguyễn Trọng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại là ông Nguyễn Trọng Việt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát ND quận K ;
- Công an quận K ;
- Chi cục THA dân sự quận K ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân T